

NGHIÊN CỨU TÁC NHẬN THỨC CỦA HỌC SINH SINH VIÊN ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ BẠO LỰC NGÔN TỪ TRÊN MẠNG XÃ HỘI

RESEARCH ON STUDENTS' PERCEPTIONS TOWARDS VERBAL VIOLENCE ON SOCIAL MEDIA

Trương Hoàng Hoa Duyên

Khoa Quản trị kinh doanh, Đại học Duy Tân

Received: 15/10/2025; Accepted: 25/10/2025; Published: 5/11/2025

Tóm tắt: Với sự phát triển của thời đại 4.0 ngày nay nhắc đến mạng xã hội thì không ai không biết đến. Với sự vượt bậc về công nghệ đặc biệt là mạng xã hội như vậy thì chúng ta không thể tránh khỏi những cái tiêu cực. Những năm gần đây xuất hiện việc bạo lực ngôn từ trên mạng xã hội rất nhiều nó dẫn đến hậu quả rất nặng nề không những về tinh thần mà nặng hơn thế nữa là thể xác. Và hiện tại, những bạn trẻ đặc biệt là học sinh, sinh viên đang sử dụng ngôn từ mất kiểm soát trên mạng xã hội, chửi bới, tấn công... mặc dù có người vẫn không biết lý do tấn công họ là gì. Bài viết “Nghiên cứu nhận thức của học sinh, sinh viên đối với vấn đề bạo lực ngôn từ trên mạng xã hội” giúp nhận diện rõ hơn những lý do dẫn đến vấn nạn trên ngày càng trở nên nghiêm trọng, từ đó có đưa ra những khuyến cáo từ phía gia đình và nhà trường trong việc định hướng giáo dục và kiểm soát vấn đề ngôn từ trong giao tiếp của giới trẻ hiện nay.

Từ khóa: lối sống, học tập, bạo lực ngôn từ, sinh viên.

Abstract: In the era of Industry 4.0, social media has become an inseparable part of daily life. The rapid advancement of technology, especially social networking platforms, has brought numerous benefits in terms of connection, learning, and information sharing. However, alongside these positive aspects come various negative consequences—most notably, the issue of verbal violence on social media. In recent years, the phenomenon of using offensive, insulting, and aggressive language online has become increasingly common, causing serious consequences not only mentally but sometimes even physically. More alarmingly, the participants in such behaviors are becoming younger, particularly students, who are still in the process of forming their personality and social awareness. Many young people engage in online verbal attacks without fully understanding the reasons behind them—often being influenced by the crowd or lacking emotional and linguistic self-control. Therefore, the study titled “A Study on Students’ Perceptions of Verbal Violence on Social Media” aims to better identify the causes behind this increasingly serious issue and to provide practical recommendations for families and schools in guiding, educating, and controlling the use of language in young people’s communication today.

Keywords: lifestyle, study, verbal violence, students.

1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu về bạo lực ngôn từ trên mạng giúp xác định nguyên nhân, cơ chế hoạt động và tác động đến cá nhân cũng như xã hội; hỗ trợ xây dựng chính sách, luật pháp nhằm kiểm soát nội dung độc hại, bảo vệ quyền riêng tư và xử lý hành vi vi phạm. Đồng thời, nghiên cứu nâng cao nhận thức cộng đồng, thay đổi hành vi người dùng, khuyến khích sử dụng mạng an toàn và có trách nhiệm hơn.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành qua 2 giai đoạn chính: nghiên cứu sơ bộ bằng phương pháp (PP) định tính và nghiên cứu chính thức bằng PP định lượng.

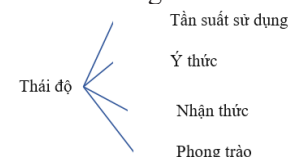
Nghiên cứu định tính: Mục đích: xem xét sự phù hợp của các thang đo được đề cập. Kết quả của nghiên cứu: điều chỉnh thang và hình thành bảng câu hỏi khảo sát.

Nghiên cứu định lượng: Nghiên cứu chính thức

được thực hiện bằng PP nghiên cứu định lượng, với công cụ là bảng câu hỏi chi tiết. Mẫu được chọn là 187 HS, SV đang theo học tại các trường THPT và Đại Học tại TP Đà Nẵng. Dữ liệu sẽ được xử lý với phần mềm SPSS 20.0.

2.2. Kết quả nghiên cứu

* Mô hình nghiên cứu



Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất

*Phân tích kết quả nghiên cứu

- Hệ số crobach'alpha

Bảng 1: Kết quả phân tích hệ số crobach'alpha

Biến	Mã hóa	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted	Cronbach's Alpha (α)
------	--------	----------------------------------	----------------------------------	-------------------------------

Tần suất sử dụng	TS1	.623	.604	0.711
	TS2	.314	.725	
	TS3	.491	.659	
	TS4	.581	.612	
	TS5	.381	.701	
Ý thức	YT1	.596	.679	.752
	YT2	.631	.664	
	YT3	.543	.698	
	YT4	.586	.681	
	YT5	.244	.793	
Nhận thức	NT1	.487	.714	.744
	NT2	.585	.657	
	NT3	.532	.690	
	NT4	.559	.679	
Phong trào	PT1	.156	.742	.649

Nguồn: Khảo sát của tác giả

Thang đo “Tần suất sử dụng trên mạng xã hội” với 5 biến quan sát có hệ số Cronbach’s Alpha là 0.711 lớn hơn 0,6 và hệ số tương quan biến tổng nằm trong khoảng từ 0.381 – 0.623 lớn hơn 0,3 nên tất cả biến này đều được giữ lại cho việc phân tích nhân tố khám phá EFA. Như vậy, thang đo “Tần suất sử dụng trên mạng xã hội” gồm 5 biến quan sát TS1, TS2, TS3, TS4, TS5, đã đạt yêu cầu về độ tin cậy.

Thang đo “Ý thức về việc bạo lực ngôn từ trên MXH” với 5 biến quan sát có hệ số Cronbach’s Alpha là 0.752 lớn hơn 0,6 nhưng biến quan sát YT5 có hệ số tương quan là 0.244 nhỏ hơn 0,3 nên biến này bị loại, còn lại hệ số tương quan biến tổng nằm trong khoảng từ 0.543– 0.631 lớn hơn 0,3 nên tất cả biến này đều được giữ lại cho việc phân tích nhân tố khám phá EFA. Như vậy, thang đo “Ý thức về việc bạo lực ngôn từ trên MXH” gồm 4 biến quan sát: YT1, YT2, YT3, YT4 đã đạt yêu cầu về độ tin cậy.

Thang đo “Nhận thức về bạo lực ngôn từ trên MXH” với 5 biến quan sát có hệ số Cronbach’s Alpha là 0.744 lớn hơn 0,6 và hệ số tương quan biến tổng nằm trong khoảng từ 0.487– 0.585 lớn hơn 0,3 nên tất cả biến này đều được giữ lại cho việc phân tích nhân tố khám phá EFA. Như vậy, thang đo “Nhận thức về bạo lực ngôn từ trên MXH” gồm 4 biến quan sát: NT1, NT2, NT3, NT4 đã đạt yêu cầu về độ tin cậy.

Thang đo “Phong trào về bạo lực ngôn từ trên MXH” với 5 biến quan sát có hệ số Cronbach’s Alpha là 0.649 lớn hơn 0,6 nhưng biến quan sát PT1 có hệ số tương quan là 0.156 nhỏ hơn 0,3 nên biến này bị loại, còn lại hệ số tương quan biến tổng nằm trong khoảng từ 0.500– 0.578 lớn hơn 0,3 nên tất cả biến này đều được giữ lại cho việc phân tích nhân tố khám phá EFA. Như vậy, thang đo “Phong trào về

bạo lực ngôn từ trên MXH” gồm 5 biến quan sát: PT2, PT3, PT4 đã đạt yêu cầu về độ tin cậy.

Phân tích EFA:

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy (KMO)= 0.605.

Kết quả phân tích nhân tố cho thấy chỉ số KMO là $0.605 > 0.5$, điều này chứng tỏ dữ liệu dùng để phân tích nhân tố là hoàn toàn thích hợp.

Kết quả kiểm định Barlett’s là 88.689 với mức ý nghĩa Sig. = $0.000 < 0.05$, lúc này bác bỏ giả thuyết H_0 : các biến quan sát không có tương quan với nhau trong tổng thể. Như vậy giả thuyết về ma trận tương quan giữa các biến là ma trận đồng nhất bị bác bỏ, tức là các biến có tương quan với nhau và thỏa điều kiện phân tích nhân tố.

Thực hiện phân tích nhân tố theo Principal components với phép quay Varimax.

Component	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings			Rotation Sums of Square Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	3.106	19.415	19.415	3.106	19.415	19.415	2.536	15.852	15.
2	2.55	15.94	35.355	2.55	15.94	35.355	2.448	15.302	31.
3	1.995	12.469	47.824	1.995	12.469	47.824	2.316	14.475	45.
4	1.742	10.886	58.71	1.742	10.886	58.71	2.093	13.082	58
5	0.999	6.245	64.955						
6	0.695	4.341	69.296						
7	0.678	4.237	73.533						
8	0.635	3.967	77.5						
9	0.573	3.584	81.084						
10	0.527	3.297	84.381						
11	0.516	3.227	87.608						
12	0.468	2.922	90.53						
13	0.438	2.735	93.265						
14	0.39	2.436	95.701						
15	0.386	2.412	98.113						
16	0.302	1.887	100						

Giá trị hệ số Eigenvalues của các nhân tố đều cao (>1), nhân tố thứ 4 có Eigenvalues thấp nhất là 1.742 > 1 . Kết quả cho thấy 16 biến quan sát ban đầu trích ra 4 nhân tố thể hiện được đặc tính dữ liệu tốt nhất so với việc trích thêm các nhân tố còn lại.

Giá trị tổng phương sai trích = 58.71 $> 50\%$ đạt yêu cầu; khi đó có thể nói rằng 6 nhân tố được trích giải thích 58.71% sự biến thiên của tất cả các biến quan sát. Như vậy, phân tích nhân tố khám phá EFA cho các biến độc lập được thực hiện 1 lần duy nhất.

	Thái độ	Tần suất sử dụng	Ý thức	Phong trào	thức Nhận
Thái độ	Pearson Correlation	1	-.113	.045	.614**
	Sig. (2-tailed)		.094	.499	.000
	N	223	223	223	223
Tần suất sử dụng	Pearson Correlation	-.113	1	.249**	-.002
	Sig. (2-tailed)	.094		.000	.980

	N	223	223	223	223	223
Ý thức	Pearson	.045	.249**	1	.026	.206**
	Correlation					
	Sig. (2-tailed)	.499	.000		.703	.002
	N	223	223	223	223	223
Phong trào	Pearson	.614**	-.002	.026	1	.173**
	Correlation					
	Sig. (2-tailed)	.000	.980	.703		.010
	N	223	223	223	223	223
Nhận thức	Pearson	.160*	.011	.206**	.173**	1

-Phân tích tương quan, hồi quy

Nguồn: Khảo sát của tác giả

Tạo biến đại diện: Từ kết quả ở trên, ma trận nhân tố cho chúng ta 5 nhân tố. Mỗi nhân tố sẽ gồm các biến quan sát nằm chung trên 1 cột. Chúng ta không thể thực hiện hồi quy trực tiếp với số lượng lớn biến quan sát mà cần thu gọn tập hợp biến này lại bằng các biến đại diện. Biến đại diện là biến thể hiện được tính chất chung của các biến quan sát trong cùng 1 cột.

Kết quả tương quan Pearson được thể hiện trong bảng Correlations dưới đây. Điềm qua các ký hiệu trong bảng này: Pearson Correlation là hệ số tương quan Pearson(r), Sig. (2-tailed) là giá trị sig của kiểm định t, đánh giá hệ số tương quan Pearson có ý nghĩa thống kê hay không, N là cỡ mẫu.

2.3 Phân tích quy hồi

Để đánh giá sự phù hợp của mô hình, tiến hành thực hiện phân tích hồi quy tuyến tính bội với 4 biến độc lập Nhận thức ,tần suất sử dụng phong trào,ý thức để đánh giá sự tác động của các biến độc lập này đến biến phụ thuộc thái độ.

Căn cứ vào kết quả hồi quy mô hình tại bảng Coefficient, hệ số sig. của biến phong trào bằng 0.000, biến Tần suất sử dụng bằng 0,023. Nhận thấy trong 2 biến độc lập này, biến có hệ số Sig. kiểm định t nhỏ hơn 0.05, với mức ý nghĩa 5%. Do đó, điều này cho thấy tất cả biến phong trào,tần suất sử dụng có ý nghĩa trong mô hình. Ngoại trừ biến Ý thức có Sig. = 0.357 và biến nhận thức có Sig.=0,397 lớn hơn 0.05 nên sẽ bị loại bỏ.

Hệ số Beta của biến Tần suất sử dụng là Beta= 0.125. Hệ số Beta của biến phong trào là Beta = 0.604. Do đó 2 biến tần suất sử dụng và phong trào đều có tác động thuận đến biến phụ thuộc Thái độ. Xét về độ lớn của Beta thì biến phong trào có tác động nhiều nhất đến sự thay đổi của biến phụ thuộc Thái độ. Hệ số VIF của 2 biến tần suất sử dụng và phong trào đều nhỏ hơn 2, điều này cho thấy không có hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập trong mô hình nghiên cứu.

$Thái\ độ = 0.051\ Ý\ thức + 0.604\ Phong\ trào + 0.046\ Nhận\ thức + \varepsilon$

Thông qua kết quả phân tích trên, ta nhận thấy

giữa các biến có tương quan tuyến tính với nhau ở mức độ tin cậy 99% vì giá trị sig. của cả biến độc lập và biến phụ thuộc nhỏ hơn 0.05 (sig.= 0.000). Mặt khác, các biến độc lập cũng có mối tương quan mạnh mẽ với nhau (giá trị sig. 0.5), qua đó nghiên cứu sẽ sử dụng thêm các kết quả về độ phóng đại của phương sai ở bước phân tích hồi quy để kiểm chứng hiện tượng đa cộng tuyến.

3. Kết luận

Kết quả học tập của SV không chỉ phụ thuộc vào khả năng tiếp thu kiến thức mà còn chịu ảnh hưởng sâu sắc từ nhiều yếu tố đã nghiên cứu ở trên, bao gồm sự nhận thức và giá trị sống, tính cách cá nhân, bạn bè, hoàn cảnh sống, cách GD của cha mẹ, tệ nạn xã hội và lối sống.

Đầu tiên, *sự nhận thức và giá trị sống* đóng vai trò quyết định trong việc hình thành động lực học tập. SV có nhận thức đúng đắn về mục tiêu học tập và giá trị của tri thức sẽ duy trì được sự kiên trì và quyết tâm trong suốt quá trình học.

Bên cạnh đó, *tính cách* của mỗi cá nhân cũng ảnh hưởng mạnh mẽ đến kết quả học tập. Những SV có tính cách tự lập, kiên trì và biết tự quản lý bản thân thường dễ dàng vượt qua những khó khăn trong học tập và đạt được thành công. Ngược lại, những SV thiếu kiên nhẫn và dễ bỏ cuộc có thể gặp khó khăn trong việc duy trì tiến độ học tập và phát huy tối đa khả năng của mình.

Mối quan hệ bạn bè cũng là một yếu tố quan trọng. SV có bạn bè cùng chí hướng, tích cực và chăm chỉ sẽ tạo ra một môi trường học tập hỗ trợ lẫn nhau, giúp nâng cao hiệu quả học tập. Tuy nhiên, nếu SV kết bạn với những người có thói quen sống buông thả hoặc không chú trọng việc học, họ dễ bị ảnh hưởng tiêu cực, làm giảm năng suất học tập.

Hoàn cảnh sống của mỗi SV cũng có tác động lớn đến kết quả học tập. Những SV có hoàn cảnh gia đình khó khăn thường gặp nhiều thử thách trong việc duy trì việc học, nhưng chính những khó khăn này lại giúp họ rèn luyện tính kiên cường và ý chí mạnh mẽ.

Tài liệu tham khảo

1. Trương Hoàng Hoa Duyên (2024), *Nghiên cứu nhận thức của học sinh, sinh viên đối với vấn đề bạo lực ngôn từ trên mạng xã hội - Đại học Duy Tân*. Đà Nẵng

2. Nguyễn Thế Dân (2018), *Định hướng giá trị lối sống của sinh viên Trường Đại học Phú Yên*, TC Khoa học của Trường ĐH Phú Yên

3. Nguyễn Thị Minh Nhân, Trịnh Hoài Linh (2022), *Ảnh hưởng của trí tuệ cảm xúc đến kết quả học tập kỳ vọng: Nghiên cứu tự cảm nhận của sinh viên Đại học ở Việt Nam*, xuất bản trong TC Khoa học của Trường ĐH Thương mại. Hà Nội